TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **11**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 17 - 01 - 2023 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số; 805/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 867/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1006/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn T; sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông T và bà V đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Cẩm V do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 1995; đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21, ngày 02/02/2017. Đầu năm 2011 ông T và bà V lên tỉnh Đồng Nai sinh sống và làm việc. Đến đầu năm 2021, ông T và bà V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, bà V thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ông T và bà V không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Ông T xin được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Cẩm V có 01 (một) con chung tên Phạm Văn Tuấn V1, sinh năm 1997. Cháu Phạm Văn Tuấn V1 đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà V đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của bà V. Ông T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân. Theo Biên bản xác minh ngày 08/11/2022 thì bà Huỳnh Thị Cẩm V có đăng ký hộ khẩu và hiện sinh sống tại tổ 15, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện bà V đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên trở về nhà.

Theo Biên bản xác minh ngày 03/01/2023 bà Huỳnh Thị C cho biết, bà C là chị ruột bà V. Hôn nhân giữa ông T và bà V có tổ chức lễ cưới năm 1995. Đầu năm 2011 thì ông T, bà V lên đồng nay làm việc. Sau đó bà C nghe tin ông T, bà V phát sinh mâu thuẫn gia đình, bà V dẫn theo cháu Phạm Văn Tuấn V1 ra đi. Còn mâu thuẫn thế nào bà C không rõ. Bà C có nhận các văn bản của Tòa án, có thông tin lại cho bà V, bà V không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện; công bố các tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp, Tòa án thu thập. Theo đó, ông Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bà V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của ông T; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông T và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn T khởi kiện xin ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm V, không yêu cầu giải quyết T sản chung, nợ chung và con chung. Xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm V có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 15, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa, nhưng bà Huỳnh Thị Cẩm V vắng mặt không lý do. Như vậy bà V đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng; ông T có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Phạm Văn T và bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của ông T, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa ông T và bà V là do bất đồng quan điểm sống, ảnh hưởng đời sống kinh tế gia đình. Ông T và bà V đã ly thân từ năm 2021. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết, bà V không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc ông T xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông T và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Văn Tuấn V1 đã trưởng thành, tự lập được, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nếu bà V có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện và sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, ông Phạm Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Cẩm V không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Pạm Văn T,

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm V.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 21 ngày 22/02/2017 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Cẩm V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007122 ngày 28/9/2022. (Ông T đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Cẩm V. Thời hạn kháng cáo của ông T, bà V là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hội (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu